



Số: 348.23/NN02

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN CBTS XNK MINH CƯỜNG**
- Địa chỉ : **Áp 3, xã Tắc Vân, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau**
- Loại mẫu : **Nước dưới đất**
- Số lượng : **01 mẫu**
- Ngày nhận mẫu : **27/11/2023**
- Ngày trả kết quả : **02/12/2023**
- Kết quả thử nghiệm:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm
01	pH	-	7,54	TCVN 6492:2011
02	Chỉ số Pemanganat	mg/L	1,73	TCVN 6186:1996
03	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	586	HD11-PPĐN-TDS
04	Độ cứng tổng số	mg/L	176,2	TCVN 6224:1996
05	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	0,18	SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> B&F:2017
06	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> tính theo N)	mg/L	0,079	SMEWW 4500-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> .B:2017
07	Sulfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	mg/L	168,7	SMEWW 4500-SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> .E:2017
08	Clorua (Cl <sup>-</sup> )	mg/L	112,1	TCVN 6194:1996
09	Sắt (Fe)	mg/L	0,28	TCVN 6177:1996
10	Coliforms	MPN/100mL	KPH (LOD=3)	TCVN 6187-2:1996
11	E. Coli	MPN/100mL	KPH (LOD=3)	TCVN 6187-2:1996

**Ghi chú:**

- 348.23/NN02: Nước ngầm tại vị trí tại giếng khoan của Công ty Cổ phần CBTS XNK Minh Cường. Mẫu nước có màu trắng trong và được bảo quản lạnh. Mẫu được chứa trong can nhựa 02 lít, chai thủy tinh 500mL, 01 lít.
- "LOD": Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích PTN; "KPH": Không phát hiện.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử
- Mẫu được lưu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ mẫu vi sinh.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.

TRƯỞNG PHÒNG QT&PT

Nguyễn Hoàng Việt

GIÁM ĐỐC

Lê Quốc Hiếu



Số: 348.23/NN02

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CBTS XNK MINH CƯỜNG
- Địa chỉ : Ấp 3, xã Tắc Vân, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Loại mẫu : Nước dưới đất
- Số lượng : 01 mẫu
- Ngày nhận mẫu : 27/11/2023
- Ngày trả kết quả : 02/12/2023
- Kết quả thử nghiệm:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm
01	pH	-	7,54	TCVN 6492:2011
02	Chi số Pemanganat	mg/L	1,73	TCVN 6186:1996
03	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	586	HD11-PPĐN-TDS
04	Độ cứng tổng số	mg/L	176,2	TCVN 6224:1996
05	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	0,18	SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> B&F:2017
06	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> tính theo N)	mg/L	0,079	SMEWW 4500-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> .B:2017
07	Sulfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	mg/L	168,7	SMEWW 4500-SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> .E:2017
08	Clorua (Cl <sup>-</sup> )	mg/L	112,1	TCVN 6194:1996
09	Sắt (Fe)	mg/L	0,28	TCVN 6177:1996
10	Coliforms	MPN/100mL	KPH (LOD=3)	TCVN 6187-2:1996
11	E. Coli	MPN/100mL	KPH (LOD=3)	TCVN 6187-2:1996


### Ghi chú:

- 348.23/NN02: Nước ngầm tại vị trí tại giếng khoan của Công ty Cổ phần CBTS XNK Minh Cường. Mẫu nước có màu trắng trong và được bảo quản lạnh. Mẫu được chứa trong can nhựa 02 lít, chai thủy tinh 500mL, 01 lít.
- "LOD": Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích PTN; "KPH": Không phát hiện.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử
- Mẫu được lưu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ mẫu vi sinh.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.

TRƯỞNG PHÒNG QT&PT

  
Nguyễn Hoàng Việt

GIÁM ĐỐC

  
Lê Quốc Hiếu